

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC

Quyền sử dụng đất đối với 38 thửa đất ở thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư vùng Nam Rào Bạc, thôn Hiền Lộc - Đợt 1, xã Ninh Châu, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Thông báo công khai việc đấu giá tài sản ngày 30 tháng 7 năm 2026)

TT	Thửa đất số	Tờ BĐDC số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời TGDG (đồng)	Ghi chú
1	805	92	210,8	843.200.000	168.640.000	100.000	
2	806	92	209,3	837.200.000	167.440.000	100.000	
3	807	92	207,8	831.200.000	166.240.000	100.000	
4	808	92	206,3	825.200.000	165.040.000	100.000	
5	810	92	204,2	816.800.000	163.360.000	100.000	
6	811	92	202,7	810.800.000	162.160.000	100.000	
7	812	92	201,2	804.800.000	160.960.000	100.000	
8	813	92	199,7	798.800.000	159.760.000	100.000	
9	814	92	198,2	792.800.000	158.560.000	100.000	
10	816	92	196,1	784.400.000	156.880.000	100.000	
11	817	92	194,7	778.800.000	155.760.000	100.000	
12	818	92	193,2	772.800.000	154.560.000	100.000	
13	819	92	330,1	1.584.480.000	316.896.000	200.000	Hai mặt tiền
14	821	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
15	822	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
16	823	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
17	824	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
18	825	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	

19	826	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
20	827	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
21	828	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
22	829	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
23	830	92	210,0	840.000.000	168.000.000	100.000	
24	835	92	305,1	1.464.480.000	292.896.000	200.000	Hai mặt tiền
25	836	92	307,2	1.228.800.000	245.760.000	200.000	
26	837	92	305,1	1.464.480.000	292.896.000	200.000	Hai mặt tiền
27	838	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
28	839	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
29	840	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
30	842	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
31	843	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
32	844	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
33	845	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
34	846	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
35	848	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
36	849	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
37	850	92	205,0	820.000.000	164.000.000	100.000	
38	851	92	356,2	1.709.760.000	341.952.000	200.000	Hai mặt tiền
Tổng cộng: 38 thửa đất			8.382,9	34.568.800.000	6.913.760.000	4.300.000	